

Số: *915* /TTr - TTCP

Hà Nội, ngày *11* tháng *4* năm 2023

TỜ TRÌNH

Về Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thanh tra Chính phủ đã chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định thay thế cho Nghị định 50/2018/NĐ-CP ngày 09/4/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ. Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Ngày 09/4/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 50/2018/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ. Thanh tra Chính phủ đã tiến hành rà soát, kiện toàn tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc. Kết quả triển khai thực hiện Nghị định, tổ chức và hoạt động của Thanh tra Chính phủ đã có nhiều chuyển biến rõ nét, tăng cường sự chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Chính phủ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Tuy nhiên, liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ thời gian qua, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản mới cụ thể như: Luật Tố cáo 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Luật Thanh tra 2022, Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tố cáo, Nghị định 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Nghị định 124/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Nghị định 55/2022/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh... Những văn bản mới được ban hành có nhiều quy định giao nhiệm vụ cho Thanh tra Chính phủ như nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu

nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo có hiệu lực pháp luật; tiếp nhận, phân loại, đề xuất việc giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp, tổ chức xã hội khu vực ngoài nhà nước...

Bên cạnh đó, ngày 28/8/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ. Sự ra đời của Nghị định 101/2020/NĐ-CP đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung nghị định quy định năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 50/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ là hết sức cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Kế thừa những mặt tích cực và khắc phục những hạn chế bất cập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các yêu cầu đặt ra theo Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị quyết số 18-NQ/TW để giảm bớt cấp trung gian, thu gọn đầu mối, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

3. Bổ sung và cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ cho phù hợp với các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... để bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật.

4. Điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu thực tiễn trong tình hình hiện nay.

III. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU, XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo về việc áp dụng thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ (tại Văn bản số 5319/VPCP-TCCV ngày 4/8/2021), Thanh tra Chính phủ đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập để xây dựng dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, cùng thời điểm đó, Thanh tra Chính phủ đang giúp Chính phủ xây dựng dự án Luật Thanh tra (sửa đổi) trình Quốc hội xem xét, thông qua. Để bảo đảm sự thống nhất của các quy định giữa Luật Thanh tra và Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Chính phủ đã xin phép Thủ tướng Chính phủ lùi thời gian trình dự thảo Nghị định để kịp thời cập nhật các quy định của Luật Thanh tra vào dự thảo Nghị định.

Do vậy, ngay sau khi Luật Thanh tra 2022 được Quốc hội khóa XV ban hành, Thanh tra Chính phủ đã tiến hành tổng kết việc thi hành Nghị định 50/2018/NĐ-CP, rà soát các quy định pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ. Trên cơ sở đó, Thanh tra Chính phủ đã xây dựng dự thảo và Tờ trình Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ; cập nhật, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ theo các quy định của Luật Tố cáo 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Luật Thanh tra 2022.

Ngày 9/3/2023, Thanh tra Chính phủ đã gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ. Ý kiến góp ý của Bộ Nội vụ khẳng định sự cần thiết xây dựng Nghị định và thống nhất với những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định do Thanh tra Chính phủ chuẩn bị, đồng thời có ý kiến cụ thể về các nội dung của dự thảo và Tờ trình Nghị định. Thanh tra Chính phủ tiếp thu góp ý của Bộ Nội vụ vào dự thảo và Tờ trình Nghị định.

- Gửi dự thảo Nghị định và các tài liệu có liên quan đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định; nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

- Hoàn thiện dự thảo Nghị định và các tài liệu khác trình Chính phủ.

IV. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về vị trí và chức năng của Thanh tra Chính phủ (Điều 1)

Dự thảo Nghị định cơ bản giữ nguyên như Nghị định số 50/2018/NĐ-CP, bổ sung thêm cụm từ “tiếp công dân” vào chức năng của Thanh tra Chính phủ để bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về tiếp công dân; bổ sung cụm từ “tiêu cực” sau cụm từ “phòng, chống tham nhũng” để thống nhất với quy định của Luật Thanh tra năm 2022.

2. Về nhiệm vụ và quyền hạn của Thanh tra Chính phủ (Điều 2)

Về cơ bản kế thừa các quy định của Nghị định số 50/2018/NĐ-CP, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, bổ sung một số nhiệm vụ bảo đảm thống nhất với Luật Tố cáo 2018, Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Luật Thanh tra 2022, Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tố cáo, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ ... và phù hợp với tình hình thực tiễn, cụ thể như sau:

2.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 cho phù hợp với các quy định tại Luật Thanh tra 2022 về thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ

a) Xây dựng Định hướng chương trình thanh tra trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ; hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng

kế hoạch thanh tra; tổ chức thực hiện và hướng dẫn Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra việc quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước khi được Thủ tướng Chính phủ giao; thanh tra vụ việc phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Thanh tra vụ việc khác do Thủ tướng Chính phủ giao;

d) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ, cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ, Thanh tra tỉnh và quyết định xử lý sau thanh tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi cần thiết;

đ) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Thanh tra Bộ, cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Thanh tra tỉnh nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

e) Đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thanh tra đối với vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thực hiện thì ra quyết định thanh tra hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo;

g) Phối hợp với Kiểm toán nhà nước để xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán nhà nước; chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa cơ quan Thanh tra các bộ; giữa Thanh tra bộ với Thanh tra tỉnh;

h) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ;

i) Xem xét xử lý vấn đề liên quan đến công tác thanh tra mà Chánh Thanh tra bộ không nhất trí với Bộ trưởng, Chánh Thanh tra tỉnh không nhất trí với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác thanh tra. Trường hợp Bộ trưởng không đồng ý với kết quả xử lý của Tổng Thanh tra Chính phủ thì Tổng Thanh tra Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

k) Kiến nghị Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, văn bản quy phạm pháp luật của Tổng Thanh tra Chính phủ được phát hiện qua thanh tra; trường hợp kiến nghị không được chấp thuận thì trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

l) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trái với Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên được phát hiện qua

thanh tra; báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nội dung trái với Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên được phát hiện qua thanh tra;

m) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ, hủy bỏ hoặc bãi bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

n) Đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấn chỉnh, khắc phục sai phạm trong ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý do Thanh tra Chính phủ phát hiện qua thanh tra;

o) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét trách nhiệm, xử lý đối với cá nhân thuộc quyền quản lý của Thủ tướng Chính phủ, của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

2.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 2 về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho phù hợp với các quy định tại Luật Tố cáo 2018, Nghị định số 31/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tố cáo, Nghị định 124/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Nghị định 55/2022/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

a) Tổ chức việc tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

c) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo có hiệu lực pháp luật;

d) Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm;

đ) Tiếp nhận, phân loại, đề xuất việc giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;

e) Xác minh nội dung tố cáo, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ khi được giao;

g) Xem xét việc giải quyết tố cáo mà Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết lại;

h) Xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ cơ sở dữ liệu Quốc gia về khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân.

2.3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 2. về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cho phù hợp với Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Nghị định 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo thẩm quyền hoặc theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác thanh tra;

b) Thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo thẩm quyền; thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp, tổ chức xã hội khu vực ngoài nhà nước theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

c) Chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực; thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đôn đốc việc xử lý người có hành vi tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý cán bộ của Đảng và Chính phủ;

d) Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền;

đ) Xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; Theo dõi, đánh giá tình hình tham nhũng, tiêu cực và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các bộ, ngành, địa phương và khu vực ngoài nhà nước;

g) Phối hợp với Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Ban Nội chính Trung ương trong việc cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu, kinh nghiệm về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng và kiến nghị chính sách, giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Bổ sung cụm từ “tiêu cực” sau cụm từ “phòng, chống tham nhũng” tại các khoản 8,9,10,12 Điều 2.

- Bổ sung, sửa đổi khoản 11 Điều 2: Thực hiện chức năng cơ quan thường trực thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, làm đầu mối quốc gia hỗ trợ thông tin với quốc tế trong phòng, chống tham nhũng; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng có nội dung rất rộng và quá trình thực thi có liên quan đến thẩm quyền của nhiều cơ quan khác, như Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp... Vì vậy, việc xác định cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng là cần thiết. Quy định này xuất phát từ chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ và thực tiễn thực thi công ước thời gian qua.

- Bổ sung, sửa đổi khoản 14 Điều 2 cho phù hợp với Luật Thanh tra năm 2022:

Chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra; bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác thanh tra; thực hiện việc quản lý, bổ nhiệm các ngạch công chức thanh tra theo quy định của pháp luật; cấp thẻ thanh tra viên cho công chức được bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra viên thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

Cho ý kiến về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ và Chánh Thanh tra tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 15 Điều 2 cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Bổ sung thêm khoản 17 Điều 2 cho phù hợp với các quy định hiện hành về nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

3. Về cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ (Điều 3)

Mặc dù, bổ sung thêm nhiều chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ cho phù hợp với các quy định pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... nhưng Thanh tra Chính phủ đã nghiêm túc thực hiện các yêu cầu đặt ra theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện chủ trương tinh giảm biên chế; Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP; Nghị quyết số 20/NQ-CP của Chính phủ ngày 17/2/2023 về một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát và xác định cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ cụ thể như sau:

a) Về số lượng đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ

Giữ nguyên số lượng 19 đơn vị trực thuộc Thanh tra Chính phủ, theo đó các đơn vị gồm: Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Văn phòng; Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối kinh tế ngành (Vụ I), Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II), Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối văn hóa, xã hội (Vụ III), Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 1 (Cục I), Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 2 (Cục II), Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 3 (Cục III), Cục Phòng, Chống tham nhũng, tiêu cực (Cục IV), Cục Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra (Cục V), Ban Tiếp công dân trung ương; Báo Thanh tra, Tạp chí Thanh tra, Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, Trường Cán bộ Thanh tra, Trung tâm Thông tin.

b) Về các phòng trong Vụ

Không tổ chức cấp phòng trong các Vụ: Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ Kế hoạch - Tổng hợp để bảo đảm thống nhất với các quy định của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ. Sau khi sắp xếp lại, Thanh tra Chính phủ sẽ xóa bỏ 11 phòng trong các vụ hiện nay.

c) Chuyển đổi Vụ Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra thành Cục Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra

Hiện nay, Vụ Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra của Thanh tra Chính phủ là đơn vị có chức năng giúp Tổng Thanh tra Chính phủ giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra; thẩm định dự thảo kết luận thanh tra; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện kết luận thanh tra, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Thời gian qua, hoạt động của Vụ Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra đã góp phần tăng cường ý thức trách nhiệm của các thành viên Đoàn thanh tra; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các kết luận thanh tra. Tuy nhiên, do là đơn vị tham mưu, không có tư cách pháp lý độc lập nên hoạt động của Vụ thiếu tính chủ động, gây khó khăn, hạn chế trong công tác tổ chức, thực hiện nhiệm vụ.

Để tăng cường hiệu quả giám sát đối với hoạt động thanh tra nhằm phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng; nâng cao hiệu quả thẩm định kết quả thanh tra, xử lý sau thanh tra, nhất là tăng tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản vi phạm phát hiện qua công tác thanh tra, Thanh tra Chính phủ đề xuất chuyển đổi Vụ Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra sang thành Cục Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra (có Đề án kèm theo).

Bên cạnh đó, Thanh tra Chính phủ đề xuất đổi tên Cục Phòng, chống tham nhũng thành Cục Phòng, Chống tham nhũng, tiêu cực để thống nhất với quy định tại Luật Thanh tra năm 2022.

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định, Thanh tra Chính phủ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các thành viên Chính phủ;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Trần Ngọc Liêm

Số: /2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Thanh tra Chính phủ là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi cả nước; thực hiện hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo Chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Thanh tra Chính phủ đã được phê duyệt và các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn, hàng năm về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; Định hướng Chương trình thanh tra hàng năm, các dự thảo quyết định, chỉ thị, các văn bản khác về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, định hướng Chương trình đã được phê duyệt về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

5. Về thanh tra:

a) Xây dựng Định hướng chương trình thanh tra trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ; hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thanh tra; tổ chức thực hiện và hướng dẫn Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra;

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra việc quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước khi được Thủ tướng Chính phủ giao; thanh tra vụ việc phức tạp, liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Thanh tra vụ việc khác do Thủ tướng Chính phủ giao;

d) Kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ, cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ, Thanh tra tỉnh và quyết định xử lý sau thanh tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi cần thiết;

đ) Quyết định thanh tra lại vụ việc đã có kết luận của Thanh tra Bộ, cơ quan thanh tra của cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Thanh tra tỉnh nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

e) Đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thanh tra đối với vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thực hiện thì ra quyết định thanh tra hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo;

g) Phối hợp với Kiểm toán nhà nước để xử lý chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán nhà nước; Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa cơ quan Thanh tra các bộ; giữa Thanh tra bộ với Thanh tra tỉnh;

h) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ;

i) Xem xét xử lý vấn đề liên quan đến công tác thanh tra mà Chánh Thanh tra bộ không nhất trí với Bộ trưởng, Chánh Thanh tra tỉnh không nhất trí với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp Bộ trưởng không đồng ý với kết quả xử lý của Tổng Thanh tra Chính phủ thì Tổng Thanh tra Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

k) Kiến nghị Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, văn bản quy phạm pháp luật của Tổng Thanh tra Chính phủ được phát hiện qua thanh tra; trường hợp kiến nghị không được chấp thuận thì trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

l) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trái với Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên được phát hiện qua thanh tra; báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nội dung trái với Hiến pháp, luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên được phát hiện qua thanh tra;

m) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ, hủy bỏ hoặc bãi bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

n) Đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấn chỉnh, khắc phục sai phạm trong ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý do Thanh tra Chính phủ phát hiện qua thanh tra;

o) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét trách nhiệm, xử lý đối với cá nhân thuộc quyền quản lý của Thủ tướng Chính

phủ, của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

6. Về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Tổ chức việc tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

c) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo có hiệu lực pháp luật;

d) Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm;

đ) Tiếp nhận, phân loại, đề xuất việc giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ;

e) Xác minh nội dung tố cáo, báo cáo kết quả xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ khi được giao;

g) Xem xét việc giải quyết tố cáo mà Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết lại;

h) Xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ cơ sở dữ liệu Quốc gia về khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân.

7. Về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

a) Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo thẩm quyền hoặc theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác thanh tra;

b) Thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo thẩm quyền; thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các bộ, cơ

quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp, tổ chức xã hội khu vực ngoài nhà nước theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ;

c) Chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực; thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đôn đốc việc xử lý người có hành vi tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý cán bộ của Đảng và Chính phủ;

d) Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền;

đ) Xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập; Theo dõi, đánh giá tình hình tham nhũng, tiêu cực và công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại các bộ, ngành, địa phương và khu vực ngoài nhà nước;

g) Phối hợp với Kiểm toán Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Ban Nội chính Trung ương trong việc cung cấp, trao đổi thông tin, tài liệu, kinh nghiệm về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng, tiêu cực và kiến nghị chính sách, giải pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

8. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được áp dụng các quyền hạn của Thanh tra Chính phủ theo quy định của pháp luật; được yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đoàn thanh tra.

9. Yêu cầu bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tình hình, kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

10. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Chính phủ; tổng kết kinh nghiệm về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

11. Thực hiện chức năng cơ quan thường trực thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, làm đầu mối quốc gia hỗ trợ thông tin với quốc tế trong phòng, chống tham nhũng; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

12. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện Chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

13. Quyết định và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính của Thanh tra Chính phủ theo Chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

14. Chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra; bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thanh tra; thực hiện việc quản lý, bổ nhiệm các ngạch công chức thanh tra theo quy định của pháp luật; cấp thẻ thanh tra viên cho công chức được bổ nhiệm vào các ngạch thanh tra viên thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Cho ý kiến về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ và Chánh Thanh tra tỉnh.

15. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Chính phủ theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp trực thuộc theo quy định của pháp luật.

17. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu thông tin; chuyển đổi số và quản lý dữ liệu chuyên ngành phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

18. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Pháp chế
2. Vụ Tổ chức cán bộ
3. Vụ Hợp tác quốc tế
4. Vụ Kế hoạch - Tổng hợp
5. Văn phòng
6. Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối kinh tế ngành (Vụ I)
7. Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II)
8. Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối văn hóa, xã hội (Vụ III)
9. Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 1 (Cục I)
10. Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 2 (Cục II)
11. Cục Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khu vực 3 (Cục III)
12. Cục Phòng, Chống tham nhũng, tiêu cực (Cục IV)
13. Cục Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra (Cục V)
14. Ban Tiếp công dân trung ương
15. Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra

16. Báo Thanh tra
17. Tạp chí Thanh tra
18. Trường Cán bộ Thanh tra
19. Trung tâm Thông tin.

Tại Điều này, các đơn vị quy định từ khoản 1 đến khoản 14 là các tổ chức hành chính, giúp Tổng Thanh tra Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị từ khoản 15 đến khoản 19 là các đơn vị sự nghiệp công lập, phục vụ chức năng quản lý nước của Thanh tra Chính phủ.

Ban Tiếp công dân trung ương có bộ phận thường trực tại Trụ sở Tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước ở thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Thanh tra Chính phủ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 50/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2). XH205

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính